

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ  
TRƯỜNG THÀNH và CÁC CÔNG TY CON**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

## **MỤC LỤC**

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 - 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2013	6 -8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 41

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (gọi tắt là “Tập đoàn”) đã được soát xét cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### 1. Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát Công ty đến ngày lập bảng báo cáo tài chính là:

#### Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Chủ tịch
Ông Tạ Văn Nam	Thành viên
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Thành viên
Bà Diệp Thị Thu	Thành viên
Ông Nguyễn Nhân Nghĩa	Thành viên
Ông Lê Giang Trung	Thành viên (miễn nhiệm ngày 04/4/2013)
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Thành viên
Bà Phạm Thị Huyền	Thành viên (miễn nhiệm ngày 02/4/2013)
Ông Đinh Văn Hóa	Thành viên
Ông Phương Xuân Thụy	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/4/2013)
Ông Nguyễn Quang Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26/4/2013)

#### Ban Kiểm soát

Bà Bùi Thị Kim Tuyền	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 26/4/2013)
Bà Nguyễn Minh Thanh	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 26/4/2013)
Bà Trần Lâm Thúy Quyên	Thành viên
Ông Hoàng Anh Tú	Thành viên

### 2. Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và Tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Thành	Tổng Giám đốc
Ông Tạ Văn Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Ngô Thị Hồng Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Diệp Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Văn Hóa	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/01/2013)
Ông Lê Minh Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16/01/2013)
Ông Nguyễn Ngọc Lễ	Kế toán trưởng

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

### 3. Các hoạt động chính

Sản xuất đồ mộc; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Đại lý ký gửi hàng hóa; Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ; Vận tải hàng hóa đường bộ; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng nhà các loại; Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn sản phẩm mộc; Bán buôn thủy sản; Bán buôn sản phẩm nông lâm sản; Bán buôn phân bón.

### 4. Kết quả của thời kỳ tài chính

Tình hình tài chính của Tập đoàn vào ngày 31/12/2013 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày được trình bày từ trang 06 đến trang 41.

### 5. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính hợp nhất.

### 6. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Tập đoàn từ khi kết thúc thời kỳ tài chính.

### 7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

### 8. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng thời kỳ tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong năm tài chính đó. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 9. Phê duyệt của Hội đồng quản trị

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bảng thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Các báo cáo này đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**



**Vũ Trường Thành**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ngày 30 tháng 3 năm 2014

Số: 109.HN/BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ và BAN GIÁM ĐỐC**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**

### **Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành (“Công ty”) và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2014, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành và các công ty con tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2014

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



**NGUYỄN VĂN TUYÊN**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0111-2013-042-1

**KIỂM TOÁN VIÊN**

**HỒ ĐẮC HIẾU**

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0458-2013-042-1

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>2.786.452.860.182</b>	<b>2.539.083.769.284</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>65.513.443.900</b>	<b>6.318.406.469</b>
1. Tiền	111		27.393.443.900	6.318.406.469
2. Các khoản tương đương tiền	112		38.120.000.000	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>51.548.700.012</b>	<b>6.256.127.777</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	51.548.700.012	6.256.127.777
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	V.03	<b>390.023.029.967</b>	<b>544.896.664.564</b>
1. Phải thu khách hàng	131		273.661.750.405	452.616.847.809
2. Trả trước cho người bán	132		60.285.374.811	52.960.831.346
3. Các khoản phải thu khác	135		67.050.144.077	46.971.365.069
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(10.974.239.326)	(7.652.379.660)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.04	<b>2.245.347.148.559</b>	<b>1.955.594.369.039</b>
1. Hàng tồn kho	141		2.255.053.754.553	1.964.242.922.375
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(9.706.605.994)	(8.648.553.336)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.05	<b>34.020.537.743</b>	<b>26.018.201.435</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.582.734.690	1.662.524.644
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.231.710.867	5.524.313.476
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		14.258.800.471	501.893.278
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.947.291.715	18.329.470.037
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>731.584.077.916</b>	<b>758.654.627.342</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>514.607.366.691</b>	<b>567.814.745.128</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	390.259.605.640	420.238.792.683
- Nguyên giá	222		550.447.363.422	553.027.575.444
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(160.187.757.782)	(132.788.782.761)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	43.035.543.420	62.652.460.508
- Nguyên giá	228		50.080.622.274	70.834.650.206
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.045.078.854)	(8.182.189.698)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	81.312.217.632	84.923.491.937
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.09	<b>169.624.510.245</b>	<b>164.075.052.684</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		93.936.384.743	75.469.507.182
2. Đầu tư dài hạn khác	258		88.019.084.766	100.936.504.766
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(12.330.959.264)	(12.330.959.264)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	V.10	<b>47.352.200.980</b>	<b>26.764.829.530</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		44.608.518.942	24.529.766.941
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.533.682.038	926.062.590
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.210.000.000	1.309.000.000
<i>VI. Lợi thế thương mại</i>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>3.518.036.938.097</b>	<b>3.297.738.396.626</b>





CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>2.570.447.529.029</b>	<b>2.510.776.750.857</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.418.235.135.024</b>	<b>2.318.332.030.894</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11	1.859.156.824.212	1.682.098.517.505
2. Phải trả người bán	312	V.12	119.146.259.513	298.140.995.053
3. Người mua trả tiền trước	313	V.12	48.770.457.639	59.209.883.189
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	56.404.664.722	54.875.755.428
5. Phải trả người lao động	315	V.14	24.262.186.026	33.334.364.898
6. Chi phí phải trả	316	V.15	175.559.423.906	86.367.517.411
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	134.728.452.790	105.124.415.877
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		206.866.216	(819.418.467)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	V.17	<b>152.212.394.005</b>	<b>192.444.719.963</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.000.000.000	1.000.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334		122.553.837.435	159.293.411.342
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		28.658.556.570	32.151.308.621
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.18	<b>851.318.854.224</b>	<b>681.467.911.719</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>851.318.854.224</b>	<b>681.467.911.719</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		735.000.000.000	393.736.060.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		99.062.086.763	272.647.525.014
3. Cổ phiếu quỹ	414		(420.631.294)	(420.631.294)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		10.494.752.650	9.829.285.879
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		3.767.885.040	3.767.885.040
6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		8.963.110	8.963.110
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		3.405.797.956	1.898.823.971
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>C. Lợi ích cổ đông thiểu số</b>	<b>439</b>		<b>96.270.554.844</b>	<b>105.493.734.050</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.518.036.938.097</b>	<b>3.297.738.396.626</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

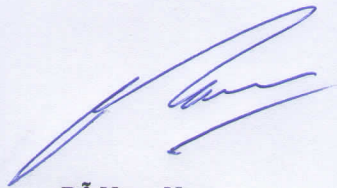
Đơn vị tính: VND

<u>CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	12.506.259.940	12.906.424.068
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	2.687.182.707	2.675.166.298
5. Ngoại tệ các loại	-	-
+ USD	70,603.68	37,347.61
+ EUR	636.88	658.64
+ JPY		277,000.00
+ CNY		16,508.00
+ GBP	45.00	45.00
+ THB		5,420.00
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	-	-

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

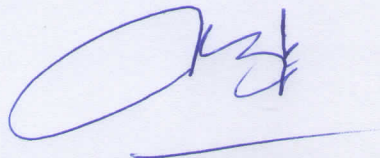
Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu



Đỗ Ngọc Nam

Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Lễ

Tổng Giám đốc



Võ Trường Thành

5306  
G T  
HÀ  
ĐOÀ  
HỆ  
G THÀ  
T. BÌNH



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	<b>01</b>	<b>(4.172.636.188)</b>	<b>(696.608.969)</b>
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	36.047.563.140	36.538.627.284
Các khoản dự phòng	03	4.379.912.324	2.505.664.803
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.077.782.200)	(1.029.179.068)
Chi phí lãi vay	06	206.691.860.487	235.300.135.849
<i>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</i>	<b>08</b>	<b>235.868.917.562</b>	<b>272.618.639.899</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	156.205.121.752	260.220.684.907
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	(310.542.936.178)	(288.975.411.256)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(167.474.004.088)	(14.909.222.880)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	6.356.906.672	(2.173.029.150)
Tiền lãi vay đã trả	13	(118.002.086.047)	(170.794.680.902)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(1.660.815.658)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	1.481.178.321	12.222.149.274
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(4.650.392.115)	(13.516.048.711)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(200.757.294.120)</b>	<b>53.032.265.522</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(13.840.652.320)	(38.571.200.735)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	5.507.277.417	19.221.405.336
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(45.292.572.235)	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	200.000.000	20.180.412.973
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.932.215.234
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.427.575.889	6.112.135.685
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(50.998.371.249)</b>	<b>8.874.968.493</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	170.631.970.000	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.286.071.954.084	2.064.687.189.375
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.145.753.221.284)	(2.144.739.177.658)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>310.950.702.800</b>	<b>(80.051.988.283)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>59.195.037.431</b>	<b>(18.144.754.268)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	6.318.406.469	24.463.160.737
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>65.513.443.900</b>	<b>6.318.406.469</b>

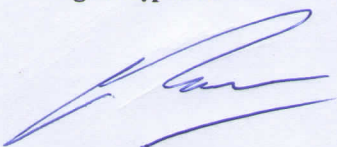
Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Đỗ Ngọc Nam

Nguyễn Ngọc Lễ

Võ Trường Thành

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành ("Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000078 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 18/8/2003 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 11 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 3700530696 ngày 22/5/2013 do Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã cổ phiếu là TTF kể từ ngày 18 tháng 02 năm 2008 theo Quyết định số 24/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01 tháng 02 năm 2008.

Hình thức sở hữu vốn: Vốn cổ phần.

#### 2 Tên giao dịch và trụ sở

Công ty có tên giao dịch quốc tế là: Truong Thanh Furniture Corporation. Tên viết tắt: TTFC.

Trụ sở chính đặt tại: Đường DT747, Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương.

#### 3 Lĩnh vực kinh doanh

Trồng trọt, sản xuất, thương mại và dịch vụ.

#### 4 Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đồ mộc;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
- Sản xuất bao bì bằng gỗ;
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Bán buôn phụ tùng, phụ kiện ngành chế biến gỗ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn sản phẩm mộc;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn sản phẩm nông lâm sản;
- Bán buôn phân bón.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 5 Danh sách các công ty con và công ty liên kết, liên doanh

#### Công ty con

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
<b>Công ty con trực tiếp</b>				
Công ty CP Trường Thành (Đaklak 1)	Km 86, QL 14, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	30.000.000.000	70,00%	70,00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Đaklak 2)	Thôn 05, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh ĐakLak	28.000.000.000	70,00%	70,00%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2)	KP 7, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	126.239.000.000	64,16%	64,16%
Công ty CP Ván Công nghiệp Trường Thành (Bình Dương 3)	KP 4, thị trấn Tân Uyên, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	56.470.000.000	51,00%	100,00%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	60.000.000.000	99,33%	99,97%
Công ty CP Trồng Rừng Trường Thành	35 Quang Trung, phường Thống Nhất, tp Buôn Mê Thuột, tỉnh Đaklak	53.191.490.000	41,00%	46,07%
Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành	C8, KCN Hòa Hiệp, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên	40.000.000.000	60,00%	60,00%
Công ty CP Trường Thành Xanh	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, tp Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	100.000.000.000	60,00%	99,99%
Công ty TNHH Kỹ Nghệ Gỗ Trường Thành	Đào Trinh Nhất, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	25.000.000.000	45,60%	97,50%
Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đăknông	204 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Thành, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đăknông	60.000.000.000	96,00%	99,44%
Công ty CP Thương mại XNK Trường Thành Đăknông	Thôn 3, xã Nhân Cơ, huyện Đăk R'Lấp, tỉnh Đăk Nông	50.000.000.000	97,90%	99,97%
Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành M'drak	Cụm công nghiệp M'Đăk, Xã Krông Jing, Huyện M'Đrăk, Tỉnh Đăk Lăk	10.000.000.000		95,30%

#### Công ty con gián tiếp

Công ty CP Nông Lâm Công Nghiệp Trường An	xã Hòa Tiến, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10.000.000.000	50,00%	85,37%
Công ty CP Vật liệu xây dựng Trường Thành - Phước An	107 Lê Duẩn, khối 04, thị trấn Phước An, huyện Krong Păk, tỉnh Đaklak	10.000.000.000	50,00%	51,55%

#### Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ theo Giấy CNĐKKD	Tỷ lệ theo vốn đã góp thực tế
Công ty CP Bao bì Trường Thành	19 đường số 11, KP 01, phường Linh Tây, quận Thủ Đức, Tp. HCM	6.500.000.000	23,08%	43,76%
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	81 Nguyễn Tất Thành, phường 02, Tp. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	7,018,000.00 USD	51,00%	51,00%

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

### III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

Các Báo cáo tài chính đính kèm được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### 5. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho: được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

### 6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí tr ước bạ.

#### Khấu hao tài sản cố định

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao áp dụng theo tỷ lệ quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài Chính (thay thế cho Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính).

Riêng đối với một số máy móc sản xuất sản phẩm mộc như máy cưa, máy phay, máy bào... và lò sấy tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng sản xuất.

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30 năm
Máy móc thiết bị	04 - 20 năm
Phương tiện vận tải	06 - 14 năm
Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm
Phần mềm tin học	05 - 20 năm

#### Quyền sử dụng đất

Đối với quyền sử dụng đất không thời hạn: Công ty không tính khấu hao

Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn: Công ty khấu hao theo phương pháp đường thẳng và theo thời gian sử dụng cụ thể được ghi trên từng giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 7. Đầu tư tài chính

#### Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### **Đầu tư tài chính khác**

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày lập bảng cân đối kế toán.

### **Dự phòng các khoản đầu tư**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết mà không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý được ghi nhận theo giá mua ban đầu.

## **8. Chi phí trả trước**

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh bao gồm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn;
- Quyền sử dụng đất;
- Chi phí khác chờ phân bổ.

## **9. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán không quá 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

## **10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và theo Quy chế lương của Công ty. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 24%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

## **11. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

## **12. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

## **13. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản nợ dự phòng phải trả trong tương lai chưa chắc chắn về giá trị hoặc thời gian phải trả. Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

### 14. Nguyên tắc ghi nhận vốn

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

### 15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp luật Việt Nam.

### 16. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

Tiền lãi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

### 17. Ghi nhận chi phí

Chi phí được ghi nhận theo thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

### 18. Thuế

Theo giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 62/CN-UB ngày 24/8/2000 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Dương cấp, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập chịu thuế, được miễn thuế TNDN 02 năm và giảm 50% cho 04 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Công ty CP Trường Thành (Daklak 1) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Daklak 2) được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 09 năm tiếp theo.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (Bình Dương 2) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 20% trong 10 năm. Công ty được miễn thuế TNDN trong 02 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 03 năm tiếp theo.

Công ty CP Công nghiệp Gỗ Trường Thành (Phú Yên) được hưởng mức thuế suất TNDN ưu đãi là 15% trong 12 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh và được miễn thuế TNDN trong 03 năm đầu kể từ khi có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế thu nhập phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Công ty CP Lâm nghiệp Trường Thành Đắk Nông được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Công ty CP TM XNK Trường Thành Đak Nông được thành lập tại địa bàn có kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thuộc danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư, được hưởng mức thuế suất thuế TNDN ưu đãi là 10% trong 15 năm kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh, được miễn thuế 4 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 9 năm tiếp theo.

Ngoài thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

Khoản thuế phải nộp thể hiện trên sổ sách kế toán là số liệu do Công ty ước tính. Số thuế phải nộp cụ thể sẽ được ghi nhận theo kiểm tra quyết toán thuế của cơ quan thuế.

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập Bảng cân đối kế toán.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập Bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Do chưa có những chứng cứ thích hợp về việc quyền phát triển có được xem là chi phí cho mục đích tính thuế, nên Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản thu nhập chưa thực hiện khi hợp nhất liên quan đến khoản vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI.

## V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	348.765.895	1.997.836.850
Tiền gửi ngân hàng bằng VND	24.756.392.195	3.525.018.059
Tiền gửi ngân hàng bằng Ngoại tệ	1.518.285.810	795.551.560
Tiền đang chuyển	770.000.000	-
Các khoản tương đương tiền	(*) 38.120.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>65.513.443.900</b>	<b>6.318.406.469</b>

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn 2 - 3 tháng tại các Ngân hàng với lãi suất từ 5,8% đến 7%/năm. Các hợp đồng tiền gửi này đang được cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

		Số cuối năm	Số đầu năm
<b>2. Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(*)</b>	<b>51.548.700.012</b>	<b>6.256.127.777</b>
(*) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các nhân viên Công ty		290.000.000	280.000.000
Các khoản cho vay ngắn hạn đến các tổ chức	<b>(**)</b>	51.258.700.012	5.956.127.777
Trái phiếu Chính phủ		-	20.000.000
<b>Cộng</b>		<b>51.548.700.012</b>	<b>6.256.127.777</b>
(**) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH SX-XD-TM Đại Dương		300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH XD Đồng Long		4.000.000.000	3.500.000.000
Công ty CP Phú Hữu Gia		-	1.996.127.777
Công ty TNHH Gia Phú Nguyễn		-	160.000.000
Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành Oji		7.158.700.012	-
Công ty Cổ phần Vũ Tuấn		39.800.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>51.258.700.012</b>	<b>5.956.127.777</b>
<b>3. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	<b>(3.1)</b>	273.661.750.405	452.616.847.809
Trả trước cho người bán		60.285.374.811	52.960.831.346
Phải thu khác	<b>(3.2)</b>	67.050.144.077	46.971.365.069
<b>Cộng</b>		<b>400.997.269.293</b>	<b>552.549.044.224</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	<b>(3.3)</b>	(10.974.239.326)	(7.652.379.660)
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>390.023.029.967</b>	<b>544.896.664.564</b>
<b>(3.1)</b> Trong đó, bao gồm khoản phải thu khách hàng gốc ngoại tệ là 7,059,832.92 USD tương đương 147.368.784.281 đồng.			
<b>(3.2)</b> Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu liên quan đến lợi nhuận được chia		2.282.580.000	-
Khoản phải thu từ việc thu hồi vốn đầu tư		12.717.420.000	-
Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi		332.021.241	1.214.369.836
Các khoản cho mượn vật tư		660.160.240	55.504.922
Phải thu từ Công ty Cổ phần Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành - Ea H'leo		-	21.348.250.389
Phải thu gốc và lãi cho vay đối với Công ty Tân Phát (*)		23.417.675.770	23.417.675.770
Phải thu khoản cho mượn, không lãi suất		2.041.345.049	-
Phải thu các bên liên quan của các công ty con		24.575.609.339	-
Và các khoản phải thu khác		1.023.332.438	935.564.152
<b>Cộng</b>		<b>67.050.144.077</b>	<b>46.971.365.069</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(\*) Vào ngày 10/01/2012, Cục thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk có quyết định số 30/QĐ-CTHADS về việc hoãn thi hành án đối với Công ty TNHH XD và TM Tân Phát liên quan đến khoản thi hành án: trả cho Công ty CP Trồng rừng Trường Thành với số tiền 23.417.675.770 đồng kể từ ngày 10/01/2012 đến khi Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao trả lời kiến nghị của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

**(3.3) Dự phòng phải thu khó đòi:**

Số dư dự phòng phải thu khó đòi đầu năm	(7.652.379.660)
Số trích lập trong năm	(3.321.859.666)
Số hoàn nhập trong năm	-
<b>Số dư dự phòng phải thu khó đòi cuối năm</b>	<b>(10.974.239.326)</b>

4. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	16.196.652.205	28.879.434.469
Nguyên vật liệu, phụ liệu	1.108.867.598.192	1.178.882.069.035
Công cụ, dụng cụ	188.809.465.680	1.400.116.003
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	739.184.327.591	656.351.126.768
Thành phẩm	159.716.942.063	54.974.728.441
Hàng hoá	31.168.149.332	32.433.372.071
Hàng gửi bán	11.110.619.491	11.322.075.588
<b>Cộng</b>	<b>2.255.053.754.553</b>	<b>1.964.242.922.375</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(*) (9.706.605.994)	(8.648.553.336)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>2.245.347.148.559</b>	<b>1.955.594.369.039</b>

Toàn bộ giá trị hàng tồn kho cuối năm (31/12/2013) đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

**(\*) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	(8.648.553.336)
Số trích lập trong năm	(1.058.052.658)
Số hoàn nhập trong năm	-
<b>Số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm</b>	<b>(9.706.605.994)</b>

5. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.582.734.690	1.662.524.644
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	1.231.710.867	5.524.313.476
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	14.258.800.471	501.893.278
Tài sản ngắn hạn khác	(*) 16.947.291.715	18.329.470.037
<b>Cộng</b>	<b>34.020.537.743</b>	<b>26.018.201.435</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(*) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thiếu chờ xử lý	585.022	665.285.403
Các khoản tạm ứng	14.330.078.416	15.760.502.925
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.616.628.277	1.903.681.709
<b>Cộng</b>	<b>16.947.291.715</b>	<b>18.329.470.037</b>

**6. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, Vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý & TSCĐ khác	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	243.514.004.447	280.035.234.175	23.925.388.414	5.552.948.408	553.027.575.444
Tăng	2.651.171.175	14.730.113.783	70.641.667	-	17.451.926.625
Giảm	1.217.169.465	17.006.967.071	756.419.344	1.051.582.767	20.032.138.647
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>244.948.006.157</b>	<b>277.758.380.887</b>	<b>23.239.610.737</b>	<b>4.501.365.641</b>	<b>550.447.363.422</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	56.631.323.554	62.208.645.541	10.315.201.060	3.633.612.606	132.788.782.761
Tăng	12.472.766.162	18.849.186.998	2.595.823.997	474.372.580	34.392.149.737
Giảm	716.770.072	5.036.744.891	405.460.821	834.198.933	6.993.174.717
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>68.387.319.644</b>	<b>76.021.087.649</b>	<b>12.505.564.236</b>	<b>3.273.786.253</b>	<b>160.187.757.782</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	186.882.680.893	217.826.588.634	13.610.187.354	1.919.335.802	420.238.792.683
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>176.560.686.513</b>	<b>201.737.293.238</b>	<b>10.734.046.501</b>	<b>1.227.579.388</b>	<b>390.259.605.640</b>

TSCĐ tăng trong năm do mua sắm mới và xây dựng cơ bản hoàn thành chuyển sang; Giảm do thanh lý, nhượng bán và phân loại sang công cụ dụng cụ.

**7. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm, website	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	64.593.804.700	6.240.845.506	70.834.650.206
Giảm	20.163.451.000	590.576.932	20.754.027.932
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>44.430.353.700</b>	<b>5.650.268.574</b>	<b>50.080.622.274</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	6.391.462.883	1.790.726.815	8.182.189.698
Tăng	1.289.318.703	366.094.699	1.655.413.402
Giảm	2.686.397.395	106.126.851	2.792.524.246
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.994.384.191</b>	<b>2.050.694.663</b>	<b>7.045.078.854</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**7. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm, website	Cộng
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	<b>58.202.341.817</b>	<b>4.450.118.691</b>	<b>62.652.460.508</b>
Số dư cuối năm	<b>39.435.969.509</b>	<b>3.599.573.911</b>	<b>43.035.543.420</b>

Tài sản cố định vô hình giảm trong kỳ do phân loại sang chi phí trả trước dài hạn.

(*) Quyền sử dụng đất bao gồm:	Diện tích (m2)	Thời hạn sử dụng	Nguyên giá
Quyền sử dụng đất số T00405: tọa lạc tại phường Thống Nhất, Tp. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk	175,20	lâu dài	5.256.000.000
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, Xã Hòa Tiến, Huyện Krông Păk, ĐắkLak	72.118,40	50 năm đến ngày 18/8/2059	508.828.800
Quyền sử dụng đất vô thời hạn tại Thôn 1, xã EaRal, huyện Ea H'leo, Đắk Lắk	14.884,00	lâu dài	1.458.632.000
Quyền sử dụng tại Thôn 5, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk	34.743,00	thời hạn 50 năm (kể từ ngày 28/7/2006)	460.950.400
Quyền sử dụng đất tại thửa đất số 165, tờ bản đồ số 35 thuộc thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	120.478,50	49 năm kể từ ngày 08/7/2005	36.745.942.500
<b>Cộng</b>			<b>44.430.353.700</b>

Tính đến ngày 31/12/2013, toàn bộ Quyền sử dụng đất của Công ty đã được cầm cố, thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn.

<b>8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất 10.320 m <sup>2</sup> đất tại Thị xã Dĩ An, Tỉnh Bình Dương	32.500.000.000	32.500.000.000
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Đức Bình Đông, Huyện Sông Hình, Tỉnh Phú Yên	-	347.744.186
Chi phí chuyển nhượng Quyền sử dụng đất tại Xã Phước Tân, Huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên	828.300.000	828.300.000
Lô đất (250 m2) có thời gian sử dụng lâu dài tại quốc lộ 14, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và 08 lô đất khác tại Đắk Lắk	843.700.000	843.700.000
Chi phí xây dựng 02 nhà kho tại Khu phố 7, Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương	37.377.856.346	37.297.984.146
Mua sắm tài sản cố định	407.411.000	6.709.519.611
Xây dựng cơ bản dở dang khác (xây dựng nhà kho, nhà xưởng, ...)	9.354.950.286	6.396.243.994
<b>Cộng</b>	<b>81.312.217.632</b>	<b>84.923.491.937</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1)	93.936.384.743	75.469.507.182
Đầu tư dài hạn khác	(9.2)	88.019.084.766	100.936.504.766
<b>Cộng</b>		<b>181.955.469.509</b>	<b>176.406.011.948</b>
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(9.3)	(12.330.959.264)	(12.330.959.264)
<b>Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>169.624.510.245</b>	<b>164.075.052.684</b>

**(9.1) Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh:**

Tên các công ty liên kết, liên doanh	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp	Vốn phải góp	Vốn góp thực tế 31/12/2013
Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI	7,018,000.00 USD	51,00%	(*)	94.930.473.000
Công ty CP Bao bì Trường Thành	6.500.000.000	23,08%	1.500.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>				<b>96.930.473.000</b>
<i>Khoản tổn thất phát sinh tại Công ty liên kết, liên doanh</i>				(2.994.088.257)
<b>Phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của các Công ty liên kết, liên doanh</b>				<b>93.936.384.743</b>

(\*): Đầu tư vào Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI chiếm 51% vốn điều lệ (vốn điều lệ là 7,018,000.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI được thành lập trên cơ sở liên doanh giữa Công ty và Công ty TNHH Giấy OJI (Nhật Bản). Theo đó, Công ty đã góp 4,526,520.00 USD (trong đó bao gồm 170,400.00 USD bằng tiền, 3,408,600.00 USD bằng Quyền Phát triển trên diện tích đất rừng dự kiến là 17.043 ha thuộc địa bàn Tỉnh Phú Yên trên cơ sở xác định giá trị bằng thỏa thuận giữa 02 bên và giá trị 1.579,20 ha rừng trồng trị giá 19.732.104.000 đồng tương đương 947,520.00 USD). Công ty TNHH Trồng Rừng Trường Thành OJI đã được cấp Giấy chứng nhận đầu tư số 361022000032 ngày 14/10/2011 bởi Ủy Ban Nhân dân Tỉnh Phú Yên và Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 02 ngày 25/01/2014.

**(9.2) Danh sách các khoản đầu tư dài hạn khác:**

Khoản đầu tư vào	Số lượng cổ phần sở hữu	Đơn giá	Giá trị đầu tư 31/12/2013
Công ty CP Công nghiệp và Thương mại Lidovit	28.960	9.661	279.784.766
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt (*)	173	100.000.000	17.282.580.000
Công ty CP CBTP Sông Hậu	444.608	27.500	12.226.720.000
Công ty CP Phú Hữu Gia	5.268.000	10.000	52.680.000.000
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	555.000	10.000	5.550.000.000
<b>Cộng</b>			<b>88.019.084.766</b>

(\*) Trong năm tài chính này, khoản lợi nhuận được chia từ việc đầu tư này là 2.282.580.000 đồng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**(9.3) Các khoản dự phòng đầu tư mua cổ phiếu và chứng từ có giá**

Khoản đầu tư vào	Trị giá đầu tư	Số lượng	Đơn giá bình quân	Dự phòng
Công ty CP Lidovit	279.784.766	28.960	9.661	-
Quỹ Đầu tư Chứng khoán y tế Bản Việt	17.282.580.000	173	100.000.000	-
Công ty CP CBTP Sông Hậu	12.226.720.000	444.608	27.500	(12.226.720.000)
Công ty CP Phú Hữu Gia	52.680.000.000	5.268.000	10.000	-
Công ty CP Quản lý Cụm Công nghiệp Trường Thành	5.550.000.000	555.000	10.000	(104.239.264)
<b>Cộng</b>				<b>(12.330.959.264)</b>

10. Tài sản dài hạn khác		Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	(10.1)	44.608.518.942	24.529.766.941
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		1.533.682.038	926.062.590
Tài sản dài hạn khác	(10.2)	1.210.000.000	1.309.000.000
<b>Cộng</b>		<b>47.352.200.980</b>	<b>26.764.829.530</b>

(10.1) Bao gồm:		Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ		6.274.154.883	3.528.845.802
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ	(*)	37.282.482.716	19.285.067.863
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ		667.395.188	420.144.657
Phí đánh giá tác động môi trường		288.346.866	288.346.866
Chi phí chờ phân bổ khác		96.139.290	1.007.361.753
<b>Cộng</b>		<b>44.608.518.943</b>	<b>24.529.766.941</b>

(\*) Bao gồm:

- Chi phí thuê đất trả trước cho Công ty Cổ phần Lâm Sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương liên quan đến hợp đồng thuê đất số 001/HĐTĐ-CCN ngày 27/01/2011 được ký giữa 02 bên. Theo đó, Công ty sẽ thuê lại lô đất có diện tích 26.405,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại Lô A thuộc Cụm Công nghiệp Thị trấn Uyên Hưng, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương bao gồm hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hệ thống đường giao thông, cây xanh, hệ thống thoát nước, hệ thống điện... nhằm mục đích xây dựng nhà xưởng để sản xuất với giá thuê lại đất là 40.5 USD/m<sup>2</sup> (đã bao gồm VAT 10 % nhưng chưa bao gồm phí quản lý là 0,06 USD/m<sup>2</sup>/tháng) trong vòng 50 năm kể từ ngày 27/01/2011. Khoản chi phí này là khoản tiền Công ty đã chuyển cho Công ty Cổ phần Lâm sản và Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Bình Dương tương đương với 100% giá trị hợp đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 19.337.306.515 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 09/11/2059 tại thửa đất số 905 thuộc tờ khai bản đồ số 16/4 tọa lạc tại xã Bình Chuẩn, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương có diện tích là 4.417 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số TO1631/CN-2009 với giá nhận chuyển nhượng là 2.663.451.000 đồng. Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2013 là 2.477.053.500 đồng.

- Giá trị đất của cánh rừng 377 ha tại xã Quảng Khê, huyện Đăk Glong, tỉnh Đăk Nông được xác định là 17,5 tỷ đồng theo biên bản định giá số 01/2011/BBĐG-TTP ngày 23/12/2011, và khấu hao trong vòng 42 năm từ năm 2008 đến năm 2049. Giá trị đất của cánh rừng 377 ha còn lại tại ngày 31/12/2013 là 15.000.000.005 đồng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại thửa đất số 218, tờ bản đồ số 02, xã Hòa Tiến, huyện Krông Păk, tỉnh Đăk Lăk đến tháng 8/2059. Giá trị còn lại tại 31/12/2013 là 468.122.496 đồng.

Các quyền sử dụng đất này đang được dùng để thế chấp, đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

(10.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ký quỹ đầu tư dự án trồng rừng kinh tế theo công văn số 2135/CV-STC ngày 27/6/2008 của UBND Tỉnh Phú Yên	400.000.000	400.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	810.000.000	909.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.210.000.000</b>	<b>1.309.000.000</b>

11. Vay và nợ ngắn hạn		Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn từ các Ngân hàng	(11.1)	1.716.239.015.019	1.593.205.433.833
Vay từ các Tổ chức	(11.2)	38.165.205.020	4.300.000.000
Vay từ các Cá nhân	(11.3)	4.100.000.000	9.569.995.500
Nợ dài hạn đến hạn trả	(17.1*)	100.652.604.173	75.023.088.172
<b>Cộng</b>		<b>1.859.156.824.212</b>	<b>1.682.098.517.505</b>

**(11.1) Vay từ các Ngân hàng có số dư nợ vay tại ngày 31/12/2013:**

	USD	Tương đương VNĐ
Vay bằng VNĐ		964.112.372.232
Vay bằng USD	35,683,710.00	752.126.642.787
<b>Cộng</b>		<b>1.716.239.015.019</b>

Tất cả các khoản vay từ các ngân hàng mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để phục vụ sản xuất kinh doanh, bao gồm thanh toán tiền mua gỗ nguyên liệu và các chi phí đầu vào khác, chiết khấu bộ chứng từ hàng xuất khẩu theo phương thức L/C,D/P và D/A. Các khoản vay trên được đảm bảo bằng tài sản cá nhân của Ông Võ Trường Thành, hàng hoá tồn kho luân chuyển, các tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty, các khoản phải thu đã hình thành và sẽ hình thành trong tương lai từ các hợp đồng xuất khẩu.

Tại thời điểm 31/12/2013, lãi suất các khoản vay từ các ngân hàng dao động từ 9% đến 14%/năm đối với khoản vay bằng VNĐ và dao động từ 3% đến 7,4%/năm đối với khoản vay bằng ngoại tệ (USD).

(11.2) Vay từ các tổ chức	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Lâm nghiệp Phước An	-	300.000.000
Công ty CP Vận tải Vũ Thành	33.645.205.020	4.000.000.000
Công ty Vũ Tuấn	4.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Ô tô Tấn Phát Đắk Nông	220.000.000	-
Công TY TNHH MTV Lâm nghiệp Phước An	300.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>38.165.205.020</b>	<b>4.300.000.000</b>

Tại thời điểm 31/12/2013, lãi suất tiền vay từ các tổ chức khác từ 12% - 23,4%/năm. Các khoản vay này là vay tín chấp.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>(11.3) Bao gồm:</b>		
Vay từ Ông Đinh Văn Hóa	-	3.000.000.000
Vay từ Ông Võ Diệp Văn Tuấn	1.600.000.000	4.500.000.000
Vay từ Bà Ngô Thị Hồng Thu	-	569.995.500
Vay từ Ông Võ Trường Thành	-	1.500.000.000
Vay từ Bà Diệp Thị Thu	1.850.000.000	-
Vay từ Bà Võ Diệp Cẩm Vân	650.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.100.000.000</b>	<b>9.569.995.500</b>
<b>12. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán (12.1)	119.146.259.513	298.140.995.053
Người mua trả tiền trước (12.2)	48.770.457.639	59.209.883.189
<b>Cộng</b>	<b>167.916.717.152</b>	<b>357.350.878.242</b>
<b>(12.1)</b> Trong đó, bao gồm khoản phải trả người bán bằng ngoại tệ là 392,427.69 USD tương đương 8.271.198.484 đồng.		
<b>(12.2)</b> Trong đó, bao gồm khoản người mua trả tiền trước bằng ngoại tệ là 764,124.33 USD tương đương 16.100.719.747 đồng.		
<b>13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	41.175.170.691	42.274.917.593
Thuế TNDN phải nộp	10.548.530.518	8.922.679.445
Thuế TNCN phải nộp	4.553.342.436	3.479.030.901
Các loại thuế khác	127.621.077	199.127.488
<b>Cộng</b>	<b>56.404.664.722</b>	<b>54.875.755.427</b>
<b>14. Phải trả người lao động</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản lương phải trả người lao động	<b>24.262.186.026</b>	<b>33.334.364.898</b>
<b>15. Chi phí phải trả</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng VND	161.594.716.535	86.061.467.819
Chi phí lãi vay còn phải trả bằng ngoại tệ	13.156.525.724	-
Chi phí phải trả khác	808.181.647	306.049.592
<b>Cộng</b>	<b>175.559.423.906</b>	<b>86.367.517.411</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

<b>16. Các khoản phải trả, phải nộp khác</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản thừa chờ xử lý	872.304.976	4.945.349.327
Kinh phí Công đoàn, BHXH, BHYT và BHTN còn phải nộp	48.186.422.378	31.790.043.588
Lãi chậm nộp BHXH	3.732.880.545	-
Các khoản tiền mượn thanh toán, không lãi suất	24.556.110.276	17.223.097.619
Khoản nhận ứng trước từ Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất mới và Quyền sử dụng cây mới theo Hợp đồng liên doanh ngày 16/5/2010 và các Phụ lục đính kèm.	43.485.625.280	44.115.525.595
Phải trả Yekun Corporation liên quan đến khoản tiền mượn (100,000.00 USD)	2.107.700.000	-
Phải trả các bên liên quan của các công ty con	3.871.961.550	1.114.000.000
Cổ tức còn phải trả	963.790.800	1.166.790.800
Phải trả thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	2.454.973.622	2.376.973.622
Khoản phải trả liên quan đến phạt chậm nộp thuế	1.677.390.826	457.237.750
Và các khoản phải trả khác	2.819.292.537	1.935.397.576
<b>Cộng</b>	<b>134.728.452.790</b>	<b>105.124.415.877</b>

<b>17. Nợ dài hạn</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả dài hạn khác (nhận đặt cọc tiền cho thuê mặt bằng)	1.000.000.000	1.000.000.000
Vay và nợ dài hạn <b>(17.1)</b>	122.553.837.435	159.293.411.342
Doanh thu chưa thực hiện <b>(17.2)</b>	28.658.556.570	32.151.308.621
<b>Cộng</b>	<b>152.212.394.005</b>	<b>192.444.719.963</b>

**(17.1) Số dư khoản vay dài hạn tại ngày 31/12/2013**

NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk	105.441.428.766
NH TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên	5.454.000.000
NH TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương	112.311.012.842
<b>Cộng vay dài hạn</b>	<b>223.206.441.608</b>
Nợ dài hạn đến hạn trả (*)	(100.652.604.173)
<b>Cộng vay và nợ dài hạn</b>	<b>122.553.837.435</b>

**Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk:**

- Vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương theo Hợp đồng tín dụng dự án đầu tư phát triển số 026D12 ngày 05/7/2012 với số tiền vay là 38.600.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 6 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư xây dựng 02 Nhà kho tại Thị trấn Uyên Hưng, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất tiền vay tại ngày 31/12/2013 là 14,6%/năm. Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án trên. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 38.406.340.593 đồng. Trong đó, nợ đến hạn trả là 5,6 tỷ đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

Theo Hợp đồng vay số 08/01/TTTR/NG/NHNT ngày 11/7/2008 và phụ lục hợp đồng tín dụng ngày 29/6/2012 nhằm mục đích đầu tư dự án trồng rừng nguyên liệu tại Huyện Krông Năng Tỉnh Đắk Lắk; Số tiền vay 10.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 60 tháng. Nợ gốc phải trả vào ngày 11/7/2013 là 10.000.000.000 đồng; Lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 15%/năm; Khoản vay này được đảm bảo bằng công trình xây dựng (đường lộ 6m dài 20km) và rừng trồng kinh tế (300ha rừng cây keo lai giâm hom trồng từ năm 2001, 2002); Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 10.000.000.000 đồng, cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

Theo hợp đồng số 12/01/CPLNTT/NG/HĐTĐ ngày 27/8/2012 với hạn mức tín dụng là 60 tỷ đồng; mục đích vay: bù đắp một phần chi phí đã chi và chi phí đầu tư mới phục vụ thực hiện dự án tổng thể đầu tư trồng, cải tạo và khai thác 3.162,8 ha rừng nguyên liệu trên địa bàn tỉnh Đăklăk; thời hạn vay: 84 tháng (thời gian ân hạn: 12 tháng); Nợ gốc được trả theo thời gian được quy định trong hợp đồng; lãi suất vay được điều chỉnh theo thông báo từ Ngân hàng cho từng thời kỳ và được trả lãi hàng quý (lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 12%/năm). Các khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay với giá trị đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 01/2012/CPLNTT/NG/HĐTĐ ngày 27/8/2012 là 99.634.000.000 đồng và giá trị gia tăng theo quá trình đầu tư còn lại. Số dư nợ vay đến 31/12/2013 là 52.400.000.000 đồng, trong đó, phần nợ dài hạn đến hạn trả là 5.000.000.000 đồng.

Theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 08/51/VN/NHNT ngày 15/12/2008 với số tiền là 10 tỷ đồng; Hạn trả nợ đợt cuối là ngày 15/12/2013; Mục đích sử dụng nhằm đầu tư xây dựng nhà máy gạch tuynel; Lãi suất vay 1,2%/tháng; Tài sản đảm bảo nợ vay là dây chuyền sản xuất gạch tuynel nhãn hiệu Handle theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTĐ ngày 15/12/2008; Tài sản hình thành sau đầu tư (toàn bộ nhà xưởng, nhà máy sản xuất gạch nung), quyền sử dụng đất thửa đất rộng 6,1 ha tại tiểu khu 960 thuộc lâm phận của Công ty Lâm nghiệp Phước An theo hợp đồng thế chấp số 08/51/NV/HĐTĐ.SĐT ngày 15/12/2008 và hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 08/51/NV/HĐBL ngày 15/12/2008 của Công ty CP Trường Thành. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 4.447.850.000 đồng và cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả. Số dư này đã quá hạn thanh toán.

Theo Hợp đồng số 06/TH.TT/NG/NHNT ngày 25/7/2006 và hợp đồng số 01/DATT/NHNT ngày 16/4/2008 để xây dựng nhà làm việc, nhà xưởng chế biến gỗ, đầu tư máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh thuộc dự án nhà máy và đầu tư mở rộng kho chứa nguyên liệu, lò sấy, xây dựng khu nhà tập thể công nhân. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay và quyền sử dụng đất thuê với giá trị ước tính là 68.101.000.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 187.238.173 đồng, cũng chính là nợ dài hạn đến hạn trả.

### **Vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Yên:**

Theo các hợp đồng vay và phụ lục đính kèm với lãi suất từ 10,5%/năm đến 18%/năm, thay đổi định kỳ 3 tháng/lần theo thông báo lãi suất, với thời hạn vay từ 60 tháng đến 84 tháng. Các khoản vay này được đảm bảo bằng dây chuyền sản xuất ván Particle Board, máy móc các loại, nhà xưởng 1.500m<sup>2</sup>, xe ô tô tải Đông Feng, máy cưa Lipsaw, và các tài sản hình thành trong tương lai, gồm 3 hệ thống lò sấy gỗ, hệ thống cưa CD nhiều lưỡi, hệ thống hút bụi, máy nén khí, nhà chứa bụi và các máy móc thiết bị đầu tư mới với tổng giá trị là 2.599.134.000 đồng. Số dư nợ vay dài hạn đến 31/12/2013 là 5.454.000.000 đồng. Trong đó, phần ngắn hạn của khoản nợ vay dài hạn là 2.722.000.000 đồng

### **Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Chi nhánh Bình Dương:**

Theo Hợp đồng dự án đầu tư phát triển số 2012/2708/NMT/TTF/HĐTĐ ngày 27/8/2012 với số tiền là 30.000.000.000 đồng. Thời hạn vay là 84 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc 12 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên. Mục đích vay là đầu tư trồng, chăm sóc và khai thác rừng nguyên liệu và cao su liên kết tại huyện Krông Păk, tỉnh Đăklăk. Lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 14,6%/năm Tài sản đảm bảo khoản vay này là toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 22.190.750.000 đồng.

Theo Hợp đồng tín dụng số 001D09 ngày 16/01/2008 với số tiền vay là 115 tỷ đồng. Mục đích sử dụng là đầu tư xây dựng Nhà máy Chế biến Gỗ tại huyện Tân Uyên và thời hạn vay là 84 tháng. Lãi suất cho vay được thông báo cho từng thời kỳ, lãi suất vay tại ngày 31/12/2013 là 11,1%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay: Toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay và vốn tự có thuộc dự án "Đầu tư nhà máy chế biến gỗ tại huyện Tân Uyên" bao gồm nhà xưởng, nhà văn phòng, công trình kiến trúc, máy móc thiết bị, quyền sử dụng đất và các tài sản phát sinh từ dự án nói trên với trị giá dự kiến là 194 tỷ đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 66.735.000.000 đồng, trong đó phần ngắn hạn của khoản vay dài hạn là 66.000.000.000 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Theo hợp đồng số 105D10 ngày 05 tháng 8 năm 2010. Số tiền vay là 30.848.400.005 VNĐ. Mục đích vay là thanh toán chi phí hình thành tài sản cố định của Dự án Công ty Cổ phần Ván công nghiệp Trường Thành. Thời hạn vay là 72 tháng, thời hạn ân hạn trả gốc là 12 tháng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận theo từng giấy nhận nợ, lãi suất tại ngày 31/12/2013 là 11,1%/năm. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là máy móc thiết bị theo Hợp đồng thế chấp số 218TC10 ngày 05/8/2010 với giá trị thế chấp là 16.301.298.608 đồng, máy móc thiết bị hình thành trong tương lai theo Hợp đồng thế chấp số 219TC10 ngày 05/8/2010 giá trị (dự kiến) là 30.534.972.240 đồng và toàn bộ các công trình xây dựng cơ bản hình thành trong tương lai có giá trị (dự kiến) là 11.515.075.000 đồng. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2013 là 23.385.262.842 đồng. Trong đó, bao gồm nợ dài hạn đến hạn trả là 6.695.516.000 đồng.

(17.2) Bao gồm:	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản thu nhập chưa thực hiện tương ứng với phần vốn góp của Công ty vào liên doanh Công ty TNHH Trồng rừng Trường Thành OJI	28.459.240.342	32.111.763.166
Doanh thu chưa thực hiện khác	199.316.228	39.545.455
<b>Cộng</b>	<b>28.658.556.570</b>	<b>32.151.308.621</b>

**18. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	735.000.000.000	393.736.060.000
Thặng dư vốn cổ phần	99.062.086.763	272.647.525.014
Cổ phiếu quỹ	(420.631.294)	(420.631.294)
Quỹ đầu tư phát triển	10.494.752.650	9.829.285.879
Quỹ dự phòng tài chính	3.767.885.040	3.767.885.040
Quỹ khác thuộc CSH	8.963.110	8.963.110
Lợi nhuận chưa phân phối	3.405.797.956	1.898.823.971
<b>Cộng</b>	<b>851.318.854.225</b>	<b>681.467.911.719</b>

**Chi tiết tăng giảm vốn đầu tư và thặng dư vốn cổ phần:**

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu	393.736.060.000	341.263.940.000	-	735.000.000.000
(b) Thặng dư vốn cổ phần	272.647.525.014	(173.585.438.251)	-	99.062.086.763
<b>Cộng</b>	<b>666.383.585.014</b>	<b>167.678.501.749</b>	<b>-</b>	<b>834.062.086.763</b>

(a) Vốn đầu tư của chủ sở hữu đã tăng trong năm do:	Theo mệnh giá	Theo giá bán thực tế
Phát hành 16.116.997 cổ phiếu cho Cổ đông hiện hữu, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	161.169.970.000	80.584.985.000
Phát hành 18.009.397 cổ phiếu cho các nhà đầu tư khác, thu bằng tiền gửi ngân hàng:	180.093.970.000	90.046.985.000
<b>Cộng</b>	<b>341.263.940.000</b>	<b>170.631.970.000</b>

(b) Thặng dư vốn cổ phần giảm trong năm do phát hành 34.126.394 cổ phiếu với giá bán là 5.000 đồng/cổ phiếu là 170.631.970.000 đồng và phí bảo lãnh phát hành là 2.953.468.251 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>Cổ phiếu</b>	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	73.500.000	39.373.606
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	<b>73.500.000</b>	<b>39.373.606</b>
- Cổ phiếu thường	73.500.000	39.373.606
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	<b>(16.564)</b>	<b>(12.648)</b>
- Cổ phiếu thường	(16.564)	(12.648)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>73.483.436</b>	<b>39.360.958</b>
- Cổ phiếu thường	73.483.436	39.360.958
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

<b>1. Doanh thu</b>	Năm nay	Năm trước
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	1.392.683.918.841	2.488.024.060.186
Doanh thu xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	722.723.926	921.745.947
Doanh thu các hợp đồng thi công công trình	152.148.351.201	71.549.682.768
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.791.181.052	64.216.936.488
Doanh thu từ chuyển nhượng rừng trồng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.550.346.175.020</b>	<b>2.624.712.425.389</b>
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu	(5.035.164.253)	(4.284.815.206)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>1.545.311.010.767</b>	<b>2.620.427.610.183</b>

<b>2. Giá vốn hàng bán</b>	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán thành phẩm và hàng hóa	1.144.251.822.574	2.221.124.237.818
Giá vốn xuất hàng mẫu và tiêu dùng nội bộ	722.723.926	921.745.947
Giá vốn thi công công trình	91.257.427.174	38.501.095.126
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.345.841.904	23.444.229.960
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	994.124.086	1.559.739.924
<b>Cộng</b>	<b>1.240.571.939.664</b>	<b>2.285.551.048.775</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Năm nay	Năm trước
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.282.580.000	312.530.400
Lãi tiền gửi ngân hàng, lãi cho vay	1.545.227.294	1.386.140.205
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.425.739.619	3.975.589.889
Lãi thu do chậm thanh toán và công nợ vượt hạn mức	-	44.068.245
Thu nhập từ hoạt động góp vốn liên doanh phân bổ trong kỳ	3.652.522.825	4.413.465.080
Doanh thu hoạt động tài chính khác	13.660.953	70.039.231
<b>Cộng</b>	<b>8.919.730.691</b>	<b>10.201.833.050</b>
<b>4. Chi phí hoạt động tài chính</b>		
Chi phí lãi vay	206.691.860.487	235.300.135.849
Lãi trả chậm thanh toán	2.783.353.121	417.996.824
Lỗ chênh lệch tỷ giá	8.397.992.271	4.567.174.621
Chi phí (hoàn nhập) dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	(885.800.545)
Phí ngân hàng	713.632.012	1.473.944.987
Chi phí tài chính khác	586.312.363	20.412.159
<b>Cộng</b>	<b>219.173.150.254</b>	<b>240.893.863.895</b>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.588.693.727	1.415.124.031
Chi phí vật liệu bao bì	16.131.428	12.990.847
Chi phí khấu hao TSCĐ	95.116.876	176.257.036
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, hàng mẫu	1.857.363.598	1.450.457.209
Chi phí xuất hàng	2.905.413.657	6.031.770.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.229.656.879	5.705.515.766
Chi phí bằng tiền khác	1.931.502.241	3.643.564.491
<b>Cộng</b>	<b>12.623.878.406</b>	<b>18.435.680.040</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên quản lý	48.544.737.976	60.747.955.708
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	3.495.138.089	4.103.739.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.105.870.249	5.007.945.890
Thuế, phí và lệ phí	5.203.370.187	3.782.963.403
Chi phí dự phòng	3.321.859.666	1.792.209.710
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.568.026.770	3.984.180.745
Chi phí bằng tiền khác	6.351.854.942	9.628.629.397
<b>Cộng</b>	<b>77.590.857.879</b>	<b>89.047.624.307</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

	Năm nay	Năm trước
<b>7. Thu nhập khác</b>		
Thu nhập do nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.507.277.417	19.221.405.336
Thu nhập do bán phế liệu, công cụ dụng cụ	119.741.880	50.000
Thu phí lưu kho, tiền điện, tiền cho thuê mặt bằng, cho thuê xe,...	10.605.009.394	10.474.565.183
Thu nhập do phạt vi phạm	-	461.519.634
Thu nhập từ xử lý tài sản, các khoản công nợ không ai đòi	4.321.755.143	3.683.304.666
Thu nhập từ nhận bồi thường	332.883.541	-
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	326.521.721
Thu nhập từ tiền khoản chi hộ tiền com, BHXH, BHYT, BHYT	-	2.858.006.399
Thu nhập khác	733.491.078	696.355.843
<b>Cộng</b>	<b>21.620.158.453</b>	<b>37.721.728.782</b>
<b>8. Chi phí khác</b>		
Giá trị còn lại của TSCĐ, phế liệu thanh lý, nhượng bán	4.644.598.896	16.725.677.453
Các khoản tiền phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp thuế, chậm nộp bảo hiểm	8.643.100.520	2.874.693.994
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang các dự án ngừng hoạt động, chi phí khấu hao của tài sản không hoạt động,...	2.488.750.042	827.716.593
Chi phí liên quan đến việc cho thuê mặt bằng,...	10.604.211.181	9.847.895.616
Xử lý công nợ	245.531.416	33.400.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp bổ sung theo biên bản kiểm tra	128.967.039	
Chi phí từ các khoản chi hộ tiền com, BHXH, BHYT, BHTN	-	2.810.387.870
Chi phí khác	2.043.324.362	780.754.763
<b>Cộng</b>	<b>28.798.483.456</b>	<b>33.900.526.289</b>
<b>9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>		
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp / (lỗ)	(4.693.124.438)	(2.902.491.010)
<i>Trong đó:</i>		
- Lợi ích của cổ đông thiểu số / (lỗ)	(8.562.489.059)	(5.398.862.069)
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	3.869.364.621	2.496.371.060
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ	3.869.364.621	2.496.371.060
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	51.008.903	33.953.936
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>76</b>	<b>74</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**VII. Thông tin khác**

**1. Báo cáo Bộ Phận**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tập đoàn có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Chế biến gỗ
- Trồng rừng
- Khác

Cho năm tài chính 2013

Đơn vị tính: triệu đồng

	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
<b>Doanh thu thuần</b>										
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	1.491.078	2.586.949	3.754	1.624	50.479	31.855	-	-	1.545.311	2.620.428
<i>Giữa các bộ phận</i>	1.229.395	1.013.486	19.793	548	-	58.500	(1.249.189)	(1.072.535)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.720.473</b>	<b>3.600.435</b>	<b>23.547</b>	<b>2.172</b>	<b>50.479</b>	<b>90.355</b>	<b>(1.249.189)</b>	<b>(1.072.535)</b>	<b>1.545.311</b>	<b>2.620.428</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>										
Kết quả của bộ phận	300.345	336.283	521	(504)	4.195	624	(321)	(1.527)	304.739	334.877
Chi phí không phân bổ	87.180	104.009	2.059	3.018	2.229	3.023	(1.254)	(2.567)	90.215	107.483
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	213.165	232.274	(1.538)	(3.521)	1.966	(2.399)	933	1.040	214.524	227.393
<i>Thu nhập tài chính</i>	6.163	6.242	7.130	2.514	3	7	(4.377)	1.439	8.920	10.202
<i>Chi phí tài chính</i>	233.107	247.492	8.143	4.328	3.892	3.844	(25.969)	(14.771)	219.173	240.894
<i>Lợi nhuận khác</i>	(3.470)	6.483	(1.541)	(669)	(1.168)	(856)	(999)	(1.136)	(7.178)	3.822
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	(860)	(991)	(405)	(228)	-	-	(1.265)	(1.219)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	520	2.190	-	-	-	-	-	16	520	2.206
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(17.769)</b>	<b>(4.684)</b>	<b>(4.953)</b>	<b>(6.996)</b>	<b>(3.496)</b>	<b>(7.320)</b>	<b>21.526</b>	<b>16.098</b>	<b>(4.693)</b>	<b>(2.902)</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	(7.730)	(2.306)	(426)	(459)	(407)	(2.633)	-	-	(8.562)	(5.399)
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>(10.039)</b>	<b>(2.378)</b>	<b>(4.527)</b>	<b>(6.536)</b>	<b>(3.090)</b>	<b>(4.687)</b>	<b>21.526</b>	<b>16.098</b>	<b>3.870</b>	<b>2.496</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Các thông tin khác	Đơn vị tính: triệu đồng									
	Chế biến gỗ		Trồng rừng		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản của bộ phận	4.115.959	3.716.390	269.889	261.963	63.858	63.367	(931.669)	(743.982)	3.518.037	3.297.738
Tài sản không phân bổ										
<b>Tổng tài sản</b>	<b>4.115.959</b>	<b>3.716.390</b>	<b>269.889</b>	<b>261.963</b>	<b>63.858</b>	<b>63.367</b>	<b>(931.669)</b>	<b>(743.982)</b>	<b>3.518.037</b>	<b>3.297.738</b>
Nợ phải trả của bộ phận	2.968.092	2.717.696	132.779	122.096	47.361	46.342	(577.785)	(375.357)	2.570.448	2.510.777
Nợ phải trả không phân bổ										
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.968.092</b>	<b>2.711.229</b>	<b>132.779</b>	<b>122.096</b>	<b>47.361</b>	<b>46.342</b>	<b>(577.785)</b>	<b>(375.357)</b>	<b>2.570.448</b>	<b>2.510.777</b>
Chi mua sắm tài sản	18.391	38.571	-	-	-	-	-	-	18.391	38.571
Chi phí khấu hao	34.072	34.111	1.107	1.244	512	1.185	149	83	35.841	36.621

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bên cạnh những thông tin về hoạt động kinh doanh của các bộ phận dựa trên cơ cấu tổ chức hoạt động của Tập đoàn, những dữ liệu dưới đây còn trình bày các thông tin theo khu vực địa lý:

**Cho năm tài chính 2013**

Đơn vị tính: triệu đồng

	Bình Dương		Đăk Lăk		Phủ Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2012
<b>Doanh thu thuần</b>												
<i>Từ khách hàng bên ngoài</i>	1.166.122	1.998.949	325.473	586.251	3.816	5.063	49.899	30.165	-	-	1.545.311	2.620.428
<i>Giữa các bộ phận</i>	900.094	526.643	297.386	444.404	51.404	43.133	305	58.355	(1.249.189)	(1.072.535)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.066.216</b>	<b>2.525.591</b>	<b>622.860</b>	<b>1.030.655</b>	<b>55.220</b>	<b>48.196</b>	<b>50.204</b>	<b>88.520</b>	<b>(1.249.189)</b>	<b>(1.072.535)</b>	<b>1.545.311</b>	<b>2.620.428</b>
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>												
Kết quả của bộ phận	259.636	272.307	35.027	55.550	5.457	6.207	4.940	2.339	(321)	(1.527)	304.739	334.877
Chi phí không phân bổ	70.874	82.956	14.385	21.549	4.524	3.984	1.685	1.562	(1.254)	(2.567)	90.215	107.483
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính	188.762	189.352	20.642	34.001	932	2.223	3.255	778	933	1.040	214.524	227.393
<i>Thu nhập tài chính</i>	5.808	5.592	7.470	3.003	16	161	3	7	(4.377)	1.439	8.920	10.202
<i>Chi phí tài chính</i>	183.898	184.187	58.948	68.923	1.298	1.446	997	1.110	(25.969)	(14.771)	219.173	240.894
<i>Lợi nhuận khác</i>	(6.317)	1.971	303	2.852	(179)	(426)	13	562	(999)	(1.136)	(7.178)	3.822
<i>Lãi, lỗ công ty liên kết</i>	-	-	-	-	(860)	(991)	(405)	(228)	-	-	(1.265)	(1.219)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	426	2.111	-	(114)	94	194	-	-	-	16	520	2.206
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>3.929</b>	<b>10.616</b>	<b>(30.533)</b>	<b>(28.951)</b>	<b>(1.484)</b>	<b>(674)</b>	<b>1.869</b>	<b>8</b>	<b>21.526</b>	<b>16.098</b>	<b>(4.693)</b>	<b>(2.902)</b>
Lợi ích cổ đông thiểu số	138	2.471	(8.939)	(8.538)	219	656	20	13	-	-	(8.562)	(5.399)
<b>Lợi nhuận thuần</b>	<b>3.792</b>	<b>8.146</b>	<b>(21.594)</b>	<b>(20.413)</b>	<b>(1.702)</b>	<b>(1.329)</b>	<b>1.849</b>	<b>(5)</b>	<b>21.526</b>	<b>16.098</b>	<b>3.869</b>	<b>2.496</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Các thông tin khác	Đơn vị tính: triệu đồng											
	Bình Dương		Đăk Lăk		Phú Yên		Khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản của bộ phận	3.380.246	2.934.956	875.245	911.799	144.206	147.724	50.009	47.241	(931.669)	(743.982)	3.518.037	3.297.738
Tài sản không phân bổ												
<b>Tổng tài sản</b>	<b>3.380.246</b>	<b>2.934.956</b>	<b>875.245</b>	<b>911.799</b>	<b>144.206</b>	<b>147.724</b>	<b>50.009</b>	<b>47.241</b>	<b>(931.669)</b>	<b>(743.982)</b>	<b>3.518.037</b>	<b>3.297.738</b>
Nợ phải trả của bộ phận	2.293.375	2.017.425	749.893	758.780	81.615	84.509	23.350	25.420	(577.785)	(375.357)	2.570.448	2.510.777
Nợ phải trả không phân bổ												
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>2.293.375</b>	<b>2.010.958</b>	<b>749.893</b>	<b>758.780</b>	<b>81.615</b>	<b>84.509</b>	<b>23.350</b>	<b>25.420</b>	<b>(577.785)</b>	<b>(375.357)</b>	<b>2.570.448</b>	<b>2.504.310</b>
Chi mua sắm tài sản	14.967	32.524	3.424	5.675	-	372	-	-	-	-	18.391	38.571
Chi phí khấu hao	24.004	23.889	10.064	10.820	1.620	1.735	3	94	149	83	35.841	36.621

# CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

---

### 1. Cam kết phân chia lợi nhuận hợp tác kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty CP Lâm Nghiệp Trường Thành có các khoản cam kết phân chia lợi nhuận theo các hợp đồng hợp tác đầu tư như sau:

- Theo hợp đồng liên kết số 01/TTC-BQLM'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất bao gồm nhưng không giới hạn 690,84 ha (được giao khoán cho các hộ dân theo chương trình 661) thuộc các tiểu khu 790, 786, 781, 759, 782, 762 nằm trên địa bàn hành chính của 04 xã: Cư M'ta, Ea Trang, EA M'Đoan và Cư Króa huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak. Diện tích này sẽ đưa vào liên kết trồng rừng với Công ty cụ thể là: năm 2008 liên kết trồng mới 154,1 ha, năm 2010 liên kết trồng mới 118,7 ha, năm 2011 liên kết trồng mới 177,9 ha, năm 2012 liên kết trồng mới 139,8 ha, năm 2013 liên kết trồng mới 100,34ha. Ngoài ra, BQLDA góp không quá 20% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu không tính lãi suất từ nguồn vốn ngân sách Nhà nước (số vốn này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Các hộ dân sẽ là người trực tiếp tiến hành trồng, chăm sóc quản lý bảo vệ và phòng chống cháy rừng được thực hiện cụ thể thông qua hợp đồng giao khoán. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 40% (trong đó BQLDA 10%, người dân 30%), 60% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 02/TTC-M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Ban Quản Lý Dự Án Rừng Phòng Hộ Núi Vọng Phu ("BQLDA") thì BQLDA đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 1.000 ha đất rừng phòng hộ, khoảng 1.200 ha đất rừng sản xuất và góp không quá 10% vốn vào suất đầu tư đối với chu kỳ đầu từ nguồn thu chi tiêu khai thác gỗ tự nhiên của BQLDA nếu có (số vốn góp này BQLDA cung cấp cho Công ty), những chu kỳ tiếp theo BQLDA sẽ dùng suất lợi nhuận thu được từ rừng liên kết tiếp tục đầu tư với tỷ lệ như ban đầu. Lợi nhuận sẽ được phân chia theo nguyên tắc BQLDA 10% lợi nhuận, 90% lợi nhuận còn lại Công ty và BQLDA sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên.

- Theo hợp đồng liên kết số 03/TTC-CTLN M'ĐRAK ngày 22/10/2008 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất 600 ha rừng phòng hộ thuộc 02 tiểu khu 797, 802 nằm trên địa bàn hành chính xã Ea Trang huyện M'Đrak tỉnh ĐakLak và tham gia quản lý, tổ chức trồng chăm sóc quản lý phòng chống cháy rừng và các hoạt động khác theo quy trình kỹ thuật của Công ty. Doanh thu có được khi kết thúc mỗi đợt tía thưa/khai thác sẽ được phân chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak 10% và Công ty 90%, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng là 48 năm.

- Theo hợp đồng liên kết số 04/TTC-CTLN LAK ngày 12/3/2009 giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak thì Công ty Lâm Nghiệp M'Đrak đưa vào liên kết diện tích đất khoảng 4.800 ha và góp khoảng 1,4 tỷ đồng vào suất đầu tư đối với chu kỳ sản xuất đầu (số tiền này từ nguồn vốn đã đầu tư vào 67,6 ha rừng trồng năm 2004 tại tiểu khu 1407 - 1415), số tiền từ định giá khu rừng trồng 161 ha tại các tiểu khu 1407 - 1408 sau khi hai bên thống nhất sẽ ghi vốn bổ sung. Tỷ lệ phân chia doanh thu (bằng tiền hoặc sản phẩm gỗ) sẽ được chia theo tỷ lệ Công ty Lâm Nghiệp Lak 7% doanh thu (sau khi trừ chi phí khai thác/chi phí tía thưa nhưng không bao gồm các khoản thuế theo quy định và tiền thuê đất "nếu có"), 93% còn lại (sau khi trừ chi phí như trên) sẽ chia theo tỷ lệ góp vốn giữa Công ty và Công ty Lâm Nghiệp Lak, tỷ lệ phân chia doanh thu từ rừng đối với cây kinh tế khác ngoài keo lai giâm hom sẽ được các bên thỏa thuận chi tiết trong các phụ lục hợp đồng nhưng Công ty không hưởng thấp hơn tỷ lệ đã nêu trên. Thời gian hợp đồng 50 năm.

### 2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tập đoàn đang tiến hành các thủ tục pháp lý nhằm sáp nhập Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Trường Thành (TTBD2) vào Công ty CP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường số 03-12/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 8 năm 2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

Ngoài sự kiện như đã nêu trên, Tập đoàn không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3. Số dư đầu năm**

Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành, ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm cần phải được điều chỉnh và công bố trên Báo cáo tài chính. Số dư trên Bảng cân đối kế toán được trình bày lại như sau:

<b>Một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán</b>	<b>Số dư 31/12/2012 đã kiểm toán</b>	<b>Số dư tại ngày 01/01/2013</b>	<b>Chênh lệch</b>
<b>B. NGUỒN VỐN</b>			
(a) Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	48.408.988.160	54.875.755.428	6.466.767.267
Vốn khác của chủ sở hữu	3.677.165.140	-	(3.677.165.140)
Quỹ đầu tư phát triển	6.152.120.739	9.829.285.879	3.677.165.140
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	8.110.628.585	1.898.823.971	(6.211.804.615)
(b) Lợi ích cổ đông thiểu số	105.748.696.703	105.493.734.050	(254.962.652)
<b>Tổng cộng ảnh hưởng đến NGUỒN VỐN</b>	<b>9.829.285.879</b>	<b>9.829.285.879</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>3.297.738.396.626</b>	<b>3.297.738.396.626</b>	<b>-</b>

(a) Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp và các loại thuế khác theo biên bản kiểm tra thuế các năm 2009, 2010, 2011 và điều chỉnh tăng thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2012 do không được hưởng thuế suất ưu đãi đối với hoạt động kinh doanh chính.

(b) Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số đầu kỳ do giảm lợi nhuận chưa phân phối đầu kỳ tại Công ty CP Chế biến Gỗ Trường Thành (BD2)

**VIII. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH**

**1. Rủi ro thị trường**

**1.1 Rủi ro tiền tệ**

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua hoặc bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Điều hành không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD là như sau:

Tài sản tài chính	Tại ngày 31/12/2013	
	USD	VND tương đương
Tiền mặt và tiền gửi Ngân hàng	70,603.68	1.466.899.507
Phải thu khách hàng	7,059,832.92	147.368.784.281
Ký quỹ	42,284.06	891.221.133
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,172,720.66</b>	<b>149.726.904.921</b>
<b>Nợ tài chính</b>		
Vay và nợ ngắn hạn	35,684,710.48	752.126.642.787
Phải trả người bán	392,427.69	8.271.198.484
Chi phí phải trả (Chi phí lãi vay)	624,153.22	13.156.525.724
Phải trả khác	100,000.00	2.107.700.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>36,801,291.39</b>	<b>775.662.066.995</b>
<b>Mức rủi ro tiền tệ</b>	<b>(29,628,570.73)</b>	<b>(625.935.162.074)</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, nếu đồng Đô la Mỹ mạnh/(yếu) đi 5% so với đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn cho năm tài chính sẽ (thấp)/cao hơn một khoản là (31.296.758.104) đồng Việt Nam do lãi/(lỗ) chuyển đổi tỷ giá trên số dư các công cụ tài chính bằng đồng Đô la Mỹ còn lại.

## 1.2 Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong những năm vừa qua.

## 1.3 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay của Công ty.

Tập đoàn quản lý rủi ro bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Với biến động lãi suất là tăng/(giảm) 2% thì:

Tài sản có lãi suất	Tại ngày 31/12/2013
Tiền gửi Ngân hàng	38.120.000.000
Cho vay (có lãi suất)	51.548.700.012
<b>Tổng</b>	<b>89.668.700.012</b>

Tổng số dư Tài sản có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 1.793.374.000 đồng (A).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>Nợ phải trả có lãi suất</b>	<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
Các khoản vay	1.981.710.661.647
Các khoản phải trả khác có lãi suất	-
<b>Tổng</b>	<b><u>1.981.710.661.647</u></b>

Tổng số dư Nợ phải trả có lãi suất nhân với 2% (hai phần trăm): 39.634.213.233 đồng **(B)**.

Ảnh hưởng lãi/(lỗ) đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn do biến động lãi suất (với giả định mức biến động là 2%) là **(A) - (B) = (37.840.839.233)** đồng.

## 2. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro Tập đoàn bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác của công cụ tài chính không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng.

### **Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Mức độ rủi ro tín dụng của Tập đoàn bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.

Ban điều hành đã thiết lập các chính sách tín dụng, theo đó, mỗi một khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Tập đoàn đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán. Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.

Tập đoàn sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với các phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

### **Số dư ngân hàng**

Tập đoàn có số dư tiền gửi với các tổ chức tín dụng trong nước. Ban điều hành không nhận thấy một khoản thiệt hại nào đối với kết quả hoạt động của các tổ chức tín dụng này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó được trình bày trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Tập đoàn là tiền gửi Ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư.

### **Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị**

Tiền gửi Ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành ở các Ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Tập đoàn.

Các khoản phải thu khách hàng, trả trước người bán, phải thu khác và các khoản tạm ứng của Tập đoàn không quá hạn và không bị suy giảm giá trị là **402.888.950.475** đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013*

*(Đơn vị tính bằng VNĐ, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**Tài sản tài chính quá hạn và/ hoặc suy giảm giá trị**

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được xác định là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng giảm giá trị liên quan như sau:

<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Tại ngày 31/12/2013</b>
Tổng gộp	12.438.397.235
Trừ dự phòng giảm giá trị	(10.974.239.326)
<b>Giá trị thuần của khoản phải thu này</b>	<b><u>1.464.157.909</u></b>

**Dự phòng giảm giá trị**

Số dư đầu năm (01/01/2013)	(7.652.379.660)
Tăng (do trích lập dự phòng)	(3.321.859.666)
Giảm	-
<b>Số dư cuối năm (31/12/2013)</b>	<b><u>(10.974.239.326)</u></b>

**3. Rủi ro thanh toán**

Rủi ro thanh toán là rủi ro Tập đoàn ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Tập đoàn là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Tập đoàn và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Tập đoàn.

Bảng dưới đây phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh vào các nhóm đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập bảng cân đối kế toán đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu.

<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	<b>Dưới 01 năm</b>	<b>Từ 01 đến 05 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay và nợ	1.859.156.824.212	122.553.837.435	1.981.710.661.647
Phải trả người bán	119.146.259.513	-	119.146.259.513
Người mua trả tiền trước	48.770.457.639	-	48.770.457.639
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	56.404.664.722	-	56.404.664.722
Phải trả người lao động	24.262.186.026	-	24.262.186.026
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	310.287.876.696	1.000.000.000	311.287.876.696
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.418.028.268.808</u></b>	<b><u>123.553.837.435</u></b>	<b><u>2.541.582.106.243</u></b>

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là khá cao. Tập đoàn tin tưởng có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

**Tài sản đảm bảo**

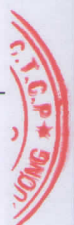
Tập đoàn đã thế chấp, cầm cố hàng tồn kho, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình, các khoản nợ phải thu sẽ hình thành trong tương lai cho các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn (thuyết minh tại mục số V.4, V.7, V.11.1, và V.17.1 - phần Thuyết minh các Báo cáo Tài chính hợp nhất).

Tập đoàn nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 là toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của cá nhân đi vay và tổ chức đi vay tại thời điểm trước và sau khi nhận nợ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KỸ NGHỆ GỖ TRƯỜNG THÀNH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)



**Đo lường theo giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ trừ dự phòng của các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn, tiền gửi Ngân hàng và các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác là gần bằng với giá trị của chúng.

Dưới đây là chi tiết giá trị hợp lý của các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn:

Tại ngày 31/12/2013	Giá trị sổ sách	So sánh giá trị thuần với giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	Dự phòng
		Tăng	Giảm		
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>					
Tiền gửi có kỳ hạn	38.120.000.000	-	-	38.120.000.000	-
Cho vay ngắn hạn	51.548.700.012	-	-	51.548.700.012	-
<b>Các khoản đầu tư dài hạn</b>					
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	96.930.473.000	-	(2.994.088.257)	93.936.384.743	-
Chứng khoán vốn chưa niêm yết (thuộc đầu tư dài hạn khác)	88.019.084.766		(12.330.959.264)	75.688.125.502	(12.330.959.264)
<b>Tổng cộng</b>	<b>274.618.257.778</b>	<b>-</b>	<b>(15.325.047.521)</b>	<b>259.293.210.257</b>	<b>(12.330.959.264)</b>

Bình Dương, ngày 30 tháng 3 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Ngọc Nam

Nguyễn Ngọc Lễ

Võ Trường Thành